

Bản án số: 1049/2017/HNGĐ-PT

Ngày: 23/11/2017

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Nhung**

Các Thẩm phán: 1/ Bà **Nguyễn Lê Thiên Hương**

2/ Bà **Võ Thị Mỹ Hạnh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Tăng Thị Hồng Thanh** – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà **Võ Thị Vĩnh Hưng** – Kiểm sát viên.

Ngày 23/11/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 65/2017/TLPT-HNGĐ ngày 10/7/2017 về việc “Ly hôn”;

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 681/2017/HNGĐ-ST ngày 29/5/2017 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2537/2017/QĐ-PT ngày 25 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Đoàn Công N**, sinh năm 1962

Địa chỉ: 66 đường 6 khu phố 17, phường Bình Hưng Hòa A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: 5A đường 429 tổ 1 ấp 5, xã Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1980.

Địa chỉ : Xóm 2B, xã Diên Trung, huyện Diên Châu, tỉnh Nghệ An.

Địa chỉ tạm trú: 270/9 Lê Đình Cẩn, khu phố 5, phường Tân Tạo, Quận

Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông **Cao Thái Hòa**, ông **Lê Công Toàn** – Luật sư của Công ty luật TNHH MTV Công Toàn thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Đoàn Thị Hương Phúc Lộc, sinh năm 2002

Người đại diện hợp pháp của trẻ Lộc: ông **Đoàn Công N** (cha ruột)

Đoàn Thị Tâm Hà Bình, sinh năm 2006

Người đại diện hợp pháp của trẻ Bình: Bà **Đoàn Thị Hạnh** (mẹ ruột)

Địa chỉ cư trú: tổ 10, ấp 1, xã Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung và quyết định của bản án sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Đoàn Công N trình bày:

Ông và bà Thương tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 16/01/ 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng Hòa A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong quá trình chung sống do có những bất đồng về quan điểm nên mâu thuẫn ngày một trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện nay, ông Nghị và bà Thương đã ly thân. Ông Nghị yêu cầu được ly hôn với bà Thương.

Về con chung: không có

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Đối với yêu cầu được chia 400.000.000đồng giá trị nhà và đất của bà Thương, ông Nghị không đồng ý. Ông cho rằng đây là tài sản riêng của ông được hình thành trước thời kỳ hôn nhân với bà Thương.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà và ông Nghị quen biết tìm hiểu nhau vào khoảng tháng 8/2014; ngày 15/8/2014 thì đôi bên về chung sống với nhau. Ngày 16/01/2015 đôi bên tiến hành đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng Hòa A, Quận Bình Tân cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 28, quyển số 01/2015. Chung sống với nhau được khoảng 08 tháng thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, bất đồng với nhau mọi việc trong gia đình,

hai bên đã ly thân từ tháng 4/2015 cho đến nay. Bà xác định không còn tình cảm với ông Nghị nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: không có

Về tài sản chung: bà xác định có 01 căn nhà và đất tại thửa 608 tờ bản đồ số 19 xã Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Giá trị nhà đất theo chứng thư thẩm định giá là 971.234.000đồng. Bà yêu cầu chia tài sản trên và nhận giá trị với số tiền 400.000.000đồng.

Về nợ chung: không có.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đoàn Thị Hương Phúc Lộc do ông Đoàn Công N đại diện trình bày: thống nhất với ý kiến nguyên đơn.

Đoàn Thị Tâm Hà Bình do bà Đoàn Thị Hạnh trình bày: đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật, không có ý kiến hoặc tranh chấp gì.

Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 681/2017/HNGĐ-ST ngày 29/5/2017 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân đã tuyên xử:

1. Xét xử vắng mặt trẻ Đoàn Thị Tâm Hà Bình có bà Đoàn Thị Hạnh là đại diện.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Công N:

- Về quan hệ hôn nhân: ông Đoàn Công N và bà Nguyễn Thị T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: hai bên xác nhận không có

- Về tài sản chung: không có.

- Về nợ chung: các đương sự xác nhận không có nên không xem xét

3. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T.

Xác định căn nhà và diện tích đất 177,8m² thuộc thửa 608, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại xã Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 021806 (số vào sổ cấp GCN: CN 03491) ngày 18/11/2014 là tài sản riêng của ông Nghị.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 12/6/2017, bà Nguyễn Thị T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 681/2017/HNGĐ-ST ngày 29/5/2017 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Đoàn Công N đề nghị giữ nguyên nội dung án sơ thẩm.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T rút một phần kháng cáo về quan hệ hôn nhân, giữ nguyên kháng cáo về tài sản chung. Bà yêu cầu xác định nhà, đất tại thửa 608 tờ bản đồ số 19 xã Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của UBND huyện Củ Chi cấp ngày 18/11/2014 là tài sản chung vợ chồng. Ông Nghị nhận sử dụng nhà, đất phải giao cho bà số tiền 400.000.000đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử xác định lỗi trong quan hệ hôn nhân để xem xét về phân chia tài sản chung. Quan hệ vợ chồng giữa ông Nghị và bà Thương, bà Thương hoàn toàn không có lỗi. Ông Nghị không có văn bản nào để xác lập tài sản riêng; thời gian trước khi đăng ký kết hôn từ tháng 8/2014 đến ngày 16/01/2015 ông bà đã sống chung tại nhà trọ ở Quận Bình Tân có xác nhận của chính quyền địa phương. Thời gian này 02 người góp tiền mua đất, bà Thương đưa cho ông Nghị 30.000.000đồng trong tổng số tiền mua đất 375.000.000đồng. Như vậy, đã phát sinh quyền và nghĩa vụ về tài sản nên chia tài sản chung theo phần góp. Thời gian xây dựng nhà trong thời kỳ hôn nhân, bà Thương có đóng góp tiền để xây dựng, vì không đủ tiền nên vào ngày 25/3/2015 vợ chồng có ký hợp đồng tín dụng vay của Ngân hàng TMCP Á Châu số tiền 200.000.000đồng để xây dựng nhà. Do vậy, giá trị tài sản trên đất là tài sản chung hợp pháp của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Theo kết quả định giá nhà là 579.036.600đồng. Căn cứ Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình thì giá trị nhà chia đôi, giá trị đất theo phần góp. Tổng cộng số tiền ông Nghị phải trả cho bà Thương để sử dụng nhà, đất là 339.518.000đồng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu và thủ tục tại phiên tòa .

Về nội dung: bị đơn kháng cáo đúng hạn, kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm. Xét thấy, về quan hệ hôn nhân: bà Thương đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Nghị, ghi nhận thuận tình ly hôn. Con chung: không có. Tài sản chung: bà Thương tranh chấp với ông Nghị về căn nhà, đất tại thửa 608 tờ bản đồ số 19 xã Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi nhưng chứng cứ bà Thương đưa ra không cụ thể, thời gian hôn nhân giữa đôi bên quá ngắn, bà Thương không có công sức đóng góp vào việc tạo lập nhà, đất. Hồ sơ vay tiền Ngân hàng ghi tên vợ chồng chỉ là thủ tục không chứng minh là tài sản chung. Bà Thương không đồng ý thực hiện nghĩa vụ trả nợ và không có chứng cứ chứng minh về tạo lập tài sản. Tòa án cấp sơ thẩm xác định là tài sản riêng của ông Nghị, không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung là có căn cứ. Về án phí dân sự sơ thẩm: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bà Thương phải chịu là không đúng theo quy định tại Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí; đề nghị sửa một phần án sơ thẩm về án phí, không chấp nhận kháng cáo về việc chia tài sản chung của bà Thương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị T làm trong thời hạn luật định, phù hợp với quy định tại Điều 272; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; đương sự có kháng cáo đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Đoàn Thị Tâm Hà Bình do bà Đoàn Thị Hạnh (mẹ) đại diện có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt theo đề nghị đương sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Thương và ông Nghị tự nguyện kết hôn với nhau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 28, quyển số 01/2015 ngày 16/01/2015 của UBND phường Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án cấp sơ thẩm xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn có thể tiếp tục cuộc sống chung và đều có yêu cầu ly hôn nên xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa đôi bên. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nghị không kháng cáo, Viện Kiểm sát không kháng nghị, bà Thương rút kháng cáo nên phần quyết định này của bản án phát sinh hiệu lực.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung: bà Thương và ông Nghị hiện đang tranh chấp là căn nhà và đất diện tích 177,8m² thuộc thửa 608 tờ bản đồ số 19 xã Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nghị xác định nhà, đất là tài sản riêng của ông có trước khi kết hôn với bà Thương, bà Thương không có đóng góp công sức gì vào việc tạo lập tài sản. Bà Thương thừa nhận đất do ông Nghị nhận chuyển nhượng nhưng bà có góp một phần tiền để mua đất và nhà được xây dựng trong thời kỳ hôn nhân nên là tài sản chung. Xét nguồn gốc hình thành tài sản, theo các chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Về đất: tại giấy đặt cọc ngày 18/9/2014 thì một mình ông Nghị nhận chuyển nhượng đất của ông Phan Văn Luông, lô đất diện tích 177,8m² với giá 375.000.000đồng, ông Nghị là người đặt cọc số tiền 30.000.000đồng. Đến ngày 01/10/2014, ông Nghị thanh toán đủ số tiền còn lại và bên mua, bên bán đến Văn phòng Công chứng Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Ngày 18/11/2014, UBND huyện Củ Chi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền cho ông Đoàn Công N, công nhận diện tích đất 177,8m², chưa có nhà và tài sản khác (đất trống), thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước thời điểm ông Nghị và bà Thương đăng ký kết hôn. Quá trình Tòa án nhân dân Quận Bình Tân thu thập chứng cứ

tại Biên bản hòa giải ngày 18/3/2016 và tại phiên tòa bà Thương cũng xác nhận ông Nghị mua đất thời gian trước khi kết hôn với bà; bà khai có cùng đi mua đất với ông Nghị, tổng số tiền mua đất 370 triệu thì bà có đưa ông Nghị 20.000.000 đồng để cùng mua chung, ông Nghị không thừa nhận nhưng bà Thương không cung cấp được chứng cứ chứng minh có việc đưa tiền cho ông Nghị cùng mua chung đất nên lời khai của bà Thương không có cơ sở chấp nhận. Như vậy, xác định đất cát nhà là tài sản của ông Nghị có trước khi kết hôn với bà Thương. Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Thương đề nghị chia cho bà Thương tương ứng với giá trị đất theo phần tiền đã góp cũng không có cơ sở chấp nhận như đã nêu trên. Về chi phí xây dựng nhà: theo giấy phép xây dựng số 2125/GPXD ngày 31/12/2014 của UBND huyện Củ Chi cấp cho ông Đoàn Công N thì ông được phép xây dựng nhà ở trên đất trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp nhưng thực tế vì nhu cầu cần chỗ ở nên ông Nghị đã khởi công xây dựng vào ngày 25/11/2014 (tức vào ngày 02/10/2014 âm lịch). Phần xây dựng nhà chưa làm thủ tục công nhận quyền sở hữu nhà ở. Ngày 14/6/2017, UBND huyện Củ Chi đã ban hành văn bản chứng nhận số nhà là 5A đường 429 ấp 1 xã Phước Vĩnh An. Bà Thương thừa nhận thực tế khởi công xây dựng trước nhưng việc xây dựng nhà kéo dài trong thời kỳ hôn nhân và cùng ông Nghị đứng tên vay trong hợp đồng cấp tín dụng của Ngân hàng nên là tài sản chung vợ chồng. Xét, ngày 25/3/2015 ông Nghị và bà Thương có thể chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai tại Ngân hàng TMCP Á Châu vay số tiền 200.000.000 đồng để xây dựng nhà tại thửa đất số 608 tờ bản đồ số 19 xã Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi. Ngày 13/5/2015, ông Nghị ký hợp đồng vay tiền của bà Nguyễn Thị Thúy để trả toàn bộ số nợ cho Ngân hàng. Bà Thương xác nhận không biết việc ông Nghị vay tiền bà Thúy trả nợ Ngân hàng nên bà không đồng ý cùng trả nợ. Ngoài ra, ông Nghị còn chứng minh nguồn tiền xây dựng nhà có được từ việc vào ngày 30/9/2014 ông đã chuyển nhượng quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, là tài sản riêng của ông có trước khi kết hôn với bà Thương, sau khi mua đất thì phần tiền còn lại ông sử dụng vào việc xây dựng nhà. Điều 43 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “1. Tài sản riêng của vợ, chồng gồm tài sản mà mỗi người có trước khi kết hôn; tài sản được thừa kế riêng, được tặng cho riêng trong thời kỳ hôn nhân....2. Tài sản được hình thành từ tài sản riêng của vợ, chồng cũng là tài sản riêng của vợ, chồng...”. Do đó, việc bà Thương cùng đứng tên với ông Nghị trong hợp đồng tín dụng vay tiền Ngân hàng để xây dựng nhà chưa đủ cơ sở xác định là tài sản chung. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, căn cứ vào thời điểm, nguồn gốc tạo lập, công sức đóng góp, chế độ tài sản của vợ chồng không chấp nhận yêu cầu của bà Thương xác định căn nhà, đất diện tích 177,8m² thuộc thửa 608 tờ bản đồ số 19 xã Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của bà và ông Nghị là có căn cứ pháp luật. Xét, ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Thương đề nghị xác định lỗi trong quan hệ hôn nhân để xem xét về phân chia tài sản chung nhưng không cung cấp được chứng cứ; mặc khác thời kỳ hôn nhân của bà Thương – ông Nghị chỉ từ tháng 01/2015 đến tháng 5/2015 thì đôi bên không còn chung sống với nhau nữa nên không có cơ

sở chấp nhận. Từ những nhận định trên, cấp phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận phần kháng cáo của bà Thương về việc yêu cầu chia căn nhà, đất diện tích 177,8m² thuộc thửa 608 tờ bản đồ số 19 xã Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà được hưởng số tiền 400.000.000đồng.

Đối với khoản nợ của bà Nguyễn Thị Thúy, tại Bản tự khai ngày 04/10/2017 bà Thúy xác định không yêu cầu bà Thương liên đới trả nợ và không yêu cầu ông Nghị trả nợ trong vụ án này nên không xem xét.

Án phí dân sự sơ thẩm: 200.000 đồng ông Nghị phải chịu; bà Thương không phải chịu án phí theo quy định tại khoản 9 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bà Thương phải chịu án phí sơ thẩm 20.000.000 đồng là chưa đúng nên sửa án về phần này, trả lại cho bà Thương tiền tạm ứng án phí đã nộp. Do sửa một phần án sơ thẩm về án phí nên án phí dân sự phúc thẩm bà Thương không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19, 28, 33, 43, 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án và Điều 48 Nghị quyết 326/2017/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật án phí và lệ phí ;

Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự năm 2008.

Tuyên xử: Không chấp nhận phần yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị T về chia giá trị nhà đất số tiền 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng, sửa bản án sơ thẩm về phần án phí;

1. Về quan hệ hôn nhân: ông Đoàn Công N và bà Nguyễn Thị T thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 28, quyển số 01/2015 ngày 16/01/2015 của Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng Hòa A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Xác định căn nhà và đất diện tích 177,8m² thuộc thửa 608 tờ bản đồ số 19 tọa lạc tại xã Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BX 021806 (số vào sổ cấp GCN: CN 03491) ngày 18/11/2014 là tài sản riêng của ông Đoàn Công N.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng ông Đoàn Công N phải chịu, căn trừ vào tiền tạm ứng án phí 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng ông Nghị đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0004675 ngày 14/5/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nghị đã nộp đủ án phí. Trả lại cho bà Nguyễn Thị T tiền tạm ứng án phí 7.500.000 (Bảy triệu năm trăm nghìn) đồng đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0004917 ngày 17/6/2015 và tiền tạm ứng án phí 6.300.000 (Sáu triệu ba trăm nghìn) đồng đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0005194 ngày 29/7/2015 cùng của Chi Cục Thi hành án dân sự Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí phúc thẩm bà Thương không phải chịu. Trả lại cho bà Thương tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0000477 ngày 15/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN

THẨM PHÁN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPHCM;
- Tòa án nhân dân quận Bình Tân, TPHCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân;
- Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng Hòa A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhung

